

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU VŨ HOÀNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU VŨ HOÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301277369

**3. Ngày thành lập:** 15/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Lũng Sơn, Thị Trấn Lim, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0375754572

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí  | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                         | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                         | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                    | 4390     |
| 5.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                         | 4520     |
| 6.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác     | 4530     |
| 7.  | Bán mô tô, xe máy                                                      | 4541     |
| 8.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                    | 4542     |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                     | 4610     |
| 10. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống | 4620     |
| 11. | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                         | 4631     |
| 12. | Bán buôn thực phẩm                                                     | 4632     |
| 13. | Bán buôn đồ uống                                                       | 4633     |
| 14. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                  | 4634     |
| 15. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                   | 4641     |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                     | 4649     |
| 17. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                    | 4651     |
| 18. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                     | 4652     |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                 | 4653     |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                        | 4659     |
| 21. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan           | 4661     |

|     |                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                  | 4662        |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                              | 4663        |
| 24. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                    | 4669        |
| 25. | Khai thác thủy sản nội địa                                                                                           | 0312        |
| 26. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                          | 0322        |
| 27. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                     | 8292        |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                              | 8299(Chính) |
| 29. | Quảng cáo                                                                                                            | 7310        |
| 30. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                               | 7710        |
| 31. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                    | 4690        |
| 32. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711        |
| 33. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4722        |
| 34. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4723        |
| 35. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                  | 4724        |
| 36. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                  | 4931        |
| 37. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                     | 4932        |
| 38. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                       | 4933        |
| 39. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                              | 5012        |
| 40. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                  | 5022        |
| 41. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                          | 5210        |
| 42. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                             | 5221        |
| 43. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                            | 5222        |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không                                                            | 5223        |
| 45. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                     | 5224        |
| 46. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                              | 5225        |
| 47. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                  | 5229        |
| 48. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                     | 5610        |
| 49. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                       | 7730        |
| 50. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                  | 7990        |
| 51. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                    | 4101        |
| 52. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                              | 4102        |
| 53. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                        | 4211        |
| 54. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                         | 4212        |
| 55. | Xây dựng công trình điện                                                                                             | 4221        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 56. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 57. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223 |
| 58. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229 |
| 59. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291 |
| 60. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292 |
| 61. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293 |
| 62. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 63. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 64. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 65. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 66. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 67. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 68. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 69. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 70. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 71. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 72. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.800.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC NGÔN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 04/02/1975 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027075014526

Ngày cấp: 10/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Lũng Sơn, Thị Trấn Lim, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lũng Sơn, Thị Trấn Lim, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC NGÔN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *04/02/1975*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *027075014526*

Ngày cấp: *10/05/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Lũng Sơn, Thị Trấn Lim, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Lũng Sơn, Thị Trấn Lim, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh*